

Số: 40 /2017/QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày 21 tháng 8 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí  
đăng ký hộ tịch trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật hộ tịch ngày 20 tháng 11 năm 2014;*

*Căn cứ Luật phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;*

*Căn cứ Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;*

*Căn cứ Nghị quyết số 21/2017/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký hộ tịch trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 1482/TTr-STP ngày 14 tháng 8 năm 2017.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký hộ tịch trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

**2. Đối tượng áp dụng**

a) Tổ chức thu lệ phí: Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện việc đăng ký hộ tịch.

b) Đối tượng nộp lệ phí: Người được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết các công việc về hộ tịch theo quy định pháp luật.

c) Đối tượng được miễn lệ phí:

- Các đối tượng theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Luật hộ tịch năm 2014.
- Người cao tuổi.

## **Điều 2. Mức thu**

1. Mức thu áp dụng đối với việc đăng ký hộ tịch tại Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Khai sinh (đăng ký khai sinh không đúng hạn, đăng ký lại khai sinh, đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân): 5.000 đồng/trường hợp.

b) Khai tử (đăng ký khai tử không đúng hạn, đăng ký lại khai tử): 5.000 đồng/trường hợp.

c) Kết hôn (đăng ký lại kết hôn): 30.000 đồng/trường hợp.

d) Nhận cha, mẹ, con : 15.000 đồng/trường hợp.

đ) Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người chưa đủ 14 tuổi, bổ sung hộ tịch cho công dân Việt Nam cư trú ở trong nước: 15.000 đồng/trường hợp.

e) Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân: 15.000 đồng/trường hợp.

g) Xác nhận hoặc ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác hoặc đăng ký hộ tịch khác: 5.000 đồng/trường hợp.

2. Mức thu áp dụng đối với việc đăng ký hộ tịch tại Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Khai sinh (đăng ký khai sinh đúng hạn, không đúng hạn, đăng ký lại khai sinh, đăng ký khai sinh cho người cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân): 75.000 đồng/trường hợp.

b) Khai tử (đăng ký khai tử đúng hạn, không đúng hạn, đăng ký lại khai tử): 75.000 đồng/trường hợp.

c) Kết hôn (đăng ký kết hôn mới, đăng ký lại kết hôn): 1.500.000 đồng/trường hợp.

d) Giám hộ, chấm dứt giám hộ: 75.000 đồng/trường hợp.

đ) Nhận cha, mẹ, con: 1.500.000 đồng/trường hợp.

e) Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người từ đủ 14 tuổi trở lên cư trú ở trong nước; xác định lại dân tộc; thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch có yếu tố nước ngoài: 25.000 đồng/trường hợp.

g) Ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài: 75.000 đồng/trường hợp.

h) Đăng ký hộ tịch khác: 75.000 đồng/trường hợp.

### **Điều 3. Chế độ thu, nộp lệ phí**

1. Tổ chức thu lệ phí nộp 100% số tiền lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước.

2. Nguồn chi phí trang trải cho hoạt động thu lệ phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của cơ quan thu lệ phí theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước theo quy định pháp luật.

### **Điều 4. Việc quản lý và sử dụng lệ phí**

Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí; Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

**Điều 5.** Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 31 tháng 8 năm 2017 và thay thế Quyết định số 28/2016/QĐ-UBND ngày 06/6/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định mức thu, miễn, thu, nộp và chế độ quản lý, sử dụng lệ phí đăng ký hộ tịch trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ pháp chế (Bộ Tài chính);
- Cục Kiểm tra VB (Bộ Tư pháp);
- Cục công tác phía Nam (Bộ Tư pháp);
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu QH tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- TT. HĐND các huyện, thành phố;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- VPUB: LĐ, TT TH-CB;
- Lưu: VT, NC. ĐDM

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Văn Bình**